

Bản án số: 254/2024/HS-PT
Ngày: 08-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thụ

- Bà Lê Thị Thương Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2024, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc
thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 226/2024/TLPT-HS ngày 08
tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P, do có kháng cáo
của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 126/2024/HSST ngày 28/5/2024
của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Lâm Văn A**; Giới tính: N; Sinh năm: 1986 tại tỉnh H; Nơi
đăng ký thường trú: khu V, Phường G, thành phố V, tỉnh H; Nơi cư trú: B6/76A
ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:
Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông
Lâm Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; Bị cáo có vợ tên Tô Giang T và 01
người con (sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/6/2023 (có mặt).

2. Họ và tên: **Lâm Duy P**; Giới tính: N; Sinh năm: 2003 tại tỉnh H; Nơi
đăng ký thường trú: ấp I xã V, huyện L, tỉnh H; Nơi cư trú: không nơi cư trú;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12;
Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Lâm Văn Tiên E và bà Ngô Thị Ngọc T1; Bị
cáo có vợ tên Trần Thị Ngọc H và có 01 người con sinh năm 2022; Tiền án, tiền
sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/6/2023 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P: Ông Vũ Ngọc C, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2022, Lâm Văn A và ông Phạm Văn B cùng làm tài xế tại công ty bê tông tại huyện B. Trong thời gian làm chung, ông Phạm Văn B có mượn Lâm Văn A số tiền 35.000.000 đồng. Đến tháng 01/2023, Phạm Văn B đã trả cho Lâm Văn A số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng, ông Phạm Văn B hẹn đến ngày 30/5/2023 sẽ trả hết cho Lâm Văn A. Nhưng đến ngày hẹn trả tiền ông Phạm Văn B chặn số điện thoại của Lâm Văn A. Sau nhiều lần không liên lạc được với ông Phạm Văn B, nên Lâm Văn A có gọi điện thoại cho cháu ruột là Lâm Duy P nhờ P đi đến nơi ở trọ của ông Phạm Văn B tại xã H để xem có Phạm Văn B ở nhà không để đến đòi nợ.

Khoảng 19 giờ 30 ngày 01/6/2023, P điều khiển xe mô tô biển số 78N2-3295 chở theo vợ là Trần Thị Ngọc H đi chơi và tình cờ đi ngang qua nhà trọ của ông Phạm Văn B tại phòng T3, nhà không số, tổ A, ấp F, xã H, huyện B thì thấy nhà trọ của ông Phạm Văn B đang sáng đèn. P liền gọi điện thoại thông báo cho Lâm Văn A và đứng đợi tại trước nhà trọ. Lúc này, Lâm Văn A cùng bạn là Mai Văn S1 đang ngồi trong quán ăn tại xã A. Sau khi nghe điện thoại của P, thì Lâm Văn A rủ S1 đi cùng đến nhà trọ của ông Phạm Văn B để lấy tiền, S1 đồng ý.

Khoảng 15 phút sau, Lâm Văn A điều khiển xe mô tô biển số 59D2- 336.99 chở S1 đến trước nhà trọ của ông Phạm Văn B. Tại đây, Lâm Văn A đứng ngoài cổng gọi ông Phạm Văn B nhưng không thấy phản hồi nên đập vào hàng rào nhiều lần. P tiến đến dùng tay mở cổng rào đang khép và cùng Lâm Văn A và S1 đi vào trong, riêng H vẫn đứng phía ngoài cổng. Đến trước cửa nhà trọ, Lâm Văn A dùng tay đập mạnh vào cửa và lớn tiếng chửi bới, thì được S1 can ngăn. Một lúc sau, ông Phạm Tấn T2 (con của ông Phạm Văn B) mở cửa. Lâm Văn A nói với T2 “ba mày thiếu tiền tao mà tao gọi hoài không được vậy giờ tao lấy xe, mày liên lạc với ba mày trả tiền thì lấy xe về”. Lâm Văn A nói P đi vào dắt xe mô tô biển số 63B2-904.06 đang để trong nhà ra ngoài, đồng thời dùng tay xô ông T2 vào trong vách tường. Sau khi lấy xe ra ngoài, P điều khiển xe mô tô biển số 63B2-904.06 chở H rời đi, Lâm Văn A điều khiển xe mô tô biển số 59D2-336.99 và nhờ S1 điều khiển xe mô tô 78N2-3295 của P. Cả 04 người đến quán ăn tại xã A để ăn uống. Trong lúc ăn uống, P có quay lại nhà trọ của ông T2 đưa điện thoại để ông T2 gọi điện cho Phạm Văn B yêu cầu Phạm Văn B đến trả nợ để lấy lại xe rồi tiếp tục quay lại quán. Sau đó, Lâm Văn A nói P điều khiển xe mô tô biển số 59D2-336.99 về nhà cất rồi đi về.

Sau khi bị lấy xe, ông Phạm Tấn T2 đến Công an xã H trình báo vụ việc. Công an xã H lập hồ sơ tố giác về tội phạm chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành điều tra bắt giữ Lâm Văn A và Lâm Duy P cùng tang vật.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 1756/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 63B2-904.06 có giá trị là 40.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Lâm Văn A và Lâm Duy P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2024, các bị cáo Phạm Văn B và Phạm Duy P1 kháng cáo đề nghị xem xét tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo không phạm tội cướp tài sản, chỉ phạm tội cũng đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên đúng người đúng tội với các bị cáo, nhưng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm vì Mai Văn S1 biết rất rõ mục đích của bị cáo P khi đến nhà của Phạm Văn B nhưng S1 vẫn đồng ý đi cùng; Sau khi các bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P lấy được chiếc xe gắn máy của anh Phạm Tấn T2 ra về thì S1 còn là người điều khiển xe của bị cáo P để bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 63B2-904.06 rời đi. Đây là thiếu sót mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 126/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P trình bày: Không đồng ý với cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản do không phù hợp với hành vi của các bị cáo thực hiện. Kết luận điều tra đã đề nghị truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tuy nhiên Viện kiểm sát sau đó lại truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản”. Việc đổi tội danh sang tội “Cướp tài sản” là chưa chính xác. Lâm Văn A có lớn tiếng yêu cầu bị hại tìm cha của mình nói chuyện nợ tiền, lúc này chưa nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, A có nói với T2 là ông Phạm Văn B (cha của T2) thiếu tiền không trả, nên kêu ông Phạm Văn B liên hệ với bị cáo Ú1 nói chuyện. Do nói chuyện không thành, nên bị cáo nói với T2 là lấy xe máy về rồi mai nói ông Phạm Văn B liên hệ lấy xe về. Các bị cáo có ý định cam kết lấy

xe xong rồi cam kết trả lại cho bị hại. Thời gian tại nhà của bị hại, các bị cáo khai là từ 30 phút đến 45 phút. Như vậy, cướp tài sản thì phải dùng vũ lực ngay tức khắc, trong hợp này có khoảng thời gian dài để lấy tài sản. Bị hại khai các bị cáo không đập phá tài sản, không có lời nói đe dọa. Như vậy, không có yếu tố dùng vũ lực, đe dọa ngay tức khắc. Bị hại có một phần đồng ý đưa xe cho bị cáo nên mới nói các bị cáo lấy xe nhưng chạy kỹ một chút; như vậy, mục đích các bị cáo không nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, vì các bị cáo có nói mai mang tiền lên cho chuộc xe về. Hành vi phạm tội của các bị cáo có phần lỗi của gia đình bị hại nợ tiền không trả, do bị cáo có sử dụng rượu bia nên không kiềm chế được hành vi. Như vậy, hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” không phải tội “Cướp tài sản”. Quá trình điều tra, các bị cáo ăn năn hối cải, bị hại cũng có lỗi, gia đình bị cáo P có bà nội là người có công với cách mạng, bị cáo B có thời gian đi nghĩa vụ quân sự. Bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; xử phạt các bị cáo thời gian phạt tù bằng thời hạn tạm giam.

Bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P không trình bày lời bào chữa, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng bị cáo xin Tòa xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; căn cứ vào các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ căn cứ để xác định:

Vào ngày 01/6/2023, tại tại phòng trọ số D, nhà không số, tổ A, ấp F, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Lâm Văn A, Lâm Duy P đã có hành vi dùng tay xô ông Phạm Tấn T2 là con ruột của ông Phạm Văn B vào trong vách tường, làm cho ông T2 hoảng sợ, rồi chiếm đoạt của 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 63B2-904.06.

Căn cứ kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 40.500.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đã dùng vũ lực đe dọa tấn công anh T2, làm cho anh T2 lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo đã về tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P.

Ngoài ra, đối với Mai Văn S1 là bạn của bị cáo Lâm Văn A. Khi nghe điện thoại của Lâm Duy P, thì Lâm Văn A có rủ S1 đi cùng đến nhà trọ của ông Phạm Văn B để lấy tiền thì S1 đồng ý đi. Tuy nhiên đến trước cửa nhà trọ của Phạm Văn B, khi nhìn thấy Lâm Văn A dùng tay đập mạnh vào cửa và lớn tiếng chửi bới, thì đã S1 can ngăn hành vi này, mặt khác S1 có đi theo nhưng không biết trước là Lâm Văn A sẽ lấy xe, S1 không được trao đổi bàn bạc trước về vấn đề này, do đó chưa đủ căn cứ để xem xét Mai Văn S1 có vai trò đồng phạm với các bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P về hành vi “Cướp tài sản”.

[4] Lập luận trên là căn cứ để không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận luận cứ bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 126/2024/HSST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1. Xử phạt bị cáo **Lâm Văn A** 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

2. Xử phạt bị cáo **Lâm Duy P** 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2023.

Bị cáo Lâm Văn A và Lâm Duy P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)
- TAND huyện Bình Chánh; (1)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh; (1)
- Các bị cáo; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (25). (11)

Phạm Uyên Thy